

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 84/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

Tên chương trình: **KẾ TOÁN (ACCOUNTING)**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành: 7340301

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên bậc cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức chuyên môn; có tính năng động sáng tạo và tầm nhìn chiến lược; biết tổ chức và điều hành công tác Kế toán tại các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các tổ chức tài chính, thuế, kho bạc, ngân hàng, và tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các kiến thức về An ninh - Quốc phòng và giáo dục thể chất.

- PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; kiến thức nền tảng để hỗ trợ cho công tác kế toán như tài chính, quản trị, tiền tệ, ngân hàng, phương pháp nghiên cứu trong kinh tế,...

- PO3: Hiểu và vận dụng các kiến thức kế toán chuyên ngành (Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Hệ thống thông tin kế toán, Kiểm toán,...), đủ khả năng thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác trong hoàn cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO4: Hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng,

góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

- PO5: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để giao tiếp và xử lý công việc sau này;

- PO6: Vận dụng các kiến thức chuyên môn vào công tác thực tế (thực hiện các phần hành kế toán tài chính, tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, đọc báo cáo tài chính, sử dụng thành thạo phần mềm kế toán, ...) tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

1.2.3 Về thái độ:

- PO7: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập; giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

- PO8: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khóa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên nhận thức và có ý thức tuân thủ pháp luật, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

2.1 Chuẩn đầu ra của các học phần đại cương

PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.2 Chuẩn đầu ra của các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành

PLO7: Áp dụng kiến thức về nguyên lý kinh tế, quản trị, tài chính, tiền tệ, marketing, thống kê, nguyên lý kế toán, thuế, định giá, đầu tư,... để hỗ trợ cho các công việc thuộc lĩnh vực kinh tế, từ đó làm nền tảng nghiên cứu các môn chuyên ngành. Sử dụng được kiến thức về phương pháp nghiên cứu kinh tế, phân tích được hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế.

PLO8: Nắm vững các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, phương pháp kế toán và chế độ kế toán, chính sách kế toán hiện hành của Việt Nam và quốc tế, chính sách thuế hiện hành của Việt Nam. Áp dụng kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán, kiểm toán tài chính của các nước trên thế giới để kiến nghị cho Việt Nam.

PLO9: Nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên ngành về kế toán nhằm vận dụng thiết kế, điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán, có khả năng nghiên cứu và đề xuất các ý kiến tư vấn giải quyết những vấn đề tồn tại.

PLO10: Kỹ năng thực hiện chính xác các thao tác nghiệp vụ kế toán cơ bản, đánh giá đúng các nghiệp vụ kinh tế, tài chính tiến hành ghi sổ; kỹ năng viết và trình bày báo cáo công tác nghiệp vụ, lập báo cáo kế toán, tài chính chuẩn xác, khách quan.

PLO11: Có kỹ năng thiết kế điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán. Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp xử lý tới đồng nghiệp, phổ biến kiến thức kỹ năng về xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán.

PLO12: Có kỹ năng sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán và các phần mềm ứng dụng để xử lý các dữ liệu về kế toán tài chính và công tác văn phòng. Có kỹ năng phản biện, sử dụng giải pháp thay thế đáp ứng sự thay đổi trong môi trường kinh tế và công nghệ thông tin.

PLO13: Có kỹ năng phân tích báo cáo kế toán quản trị và kế toán tài chính để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán. Từ đó, đánh giá chất lượng công việc kế toán đã hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của kế toán viên.

PLO14: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

PLO15: Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Tự cập nhật kiến thức và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán. Có tinh thần kỷ luật, có trách nhiệm với xã hội, với công việc; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

DỤC
TRI
ĐA
KIẾ

Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x	x													
PO2	x						x								
PO3								x	x	x	x	x	x		
PO4	x	x													x
PO5			x	x											
PO6								x	x	x	x	x	x	x	
PO7	x	x												x	x
PO8								x	x		x	x	x	x	x

Bảng 2. Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

STT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCTN 1	TCTN 2	TCTN 3	TCTN 4
PLO1		x						x				x			
PLO2		x						x				x			
PLO3		x									x	x			
PLO4			x			x						x			
PLO5	x				x	x	x	x				x	x		
PLO6		x				x						x			
PLO7					x										
PLO8	x			x	x										

PLO9	x			x	x										
PLO10						x				x					
PLO11						x				x					
PLO12						x		x							
PLO13						x			x						
PLO14												x			x
PLO15											x		x		

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Bảng 3. Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	72	21
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	36	30	6
2.2	Kiến thức chuyên ngành	47	42	5
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10		10
Tổng cộng		121	96	25

V/
JN/
HỌ
GIÁ
x

✓

Bảng 4. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	10	11	12	13	14
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	x	x	x	x	x											
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%																
1	Kiến thức cơ sở ngành	36	29,7%						x										
2	Kiến thức chuyên ngành	47	38,8%							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc tương đương)	10	8,4%							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng cộng		121	100%																

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
1.1. Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37		8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21		9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24		6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22		8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21		9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21		9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30		60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15		15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21		24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21		24	45
1.2. Kiến thức bắt buộc (không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1		30		30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1		30		30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1		30		30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45			45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30			30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16		30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60		60
1.3. Kiến thức tự chọn			4				
18	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30		45
19	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30		45
20	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30		45
21	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30		45
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			36				
22	A25009	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30		15	45
23	A25045	Toán kinh tế	2	15		15	30
24	B26008	Quản trị học	3	30		15	45
25	B26005	Marketing căn bản	3	30	15		45
26	B26006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30		45
27	B26001	Kinh tế vi mô	3	30		15	45
28	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30		15	45
29	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30		15	45
30	B26004	Nguyên lý kế toán	3	30		15	45

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
31	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	30		15	45
32	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	30		15	45
* Kiến thức tự chọn 1			3				
33	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	30		15	45
34	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	30	30		60
35	B26068	Thanh toán quốc tế	3	30		15	45
36	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	30		15	45
37	B26062	Kinh tế lượng	3	30	30		60
* Kiến thức tự chọn 2			2				
38	B26104	Thị trường chứng khoán	2	15	30		45
39	B27079	Thương mại điện tử	2	15	30		45
40	A26230	Luật kinh tế	2	15	30		45
41	B26061	Quản trị nguồn nhân lực	2	15	0	15	30
42	B28019	Khởi sự doanh nghiệp	2	15	30		45
2.2. Kiến thức chuyên ngành			47				
43	B26014	Thuế	3	30		15	45
44	B27001	Kế toán tài chính I	3	30		15	45

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
45	B27002	Kế toán tài chính 2	3	30		15	45
46	B27003	Kế toán tài chính 3	3	30		15	45
47	B27004	Kế toán tài chính 4	3	30		15	45
48	B27021	Luật kế toán	2	15		15	30
49	B27088	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	30	30		60
50	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	30	60		90
51	B27015	Kiểm toán căn bản	3	30		15	45
52	B27005	Kế toán chi phí	3	30		15	45
53	B27006	Kế toán quản trị	3	30		15	45
54	B27016	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	30		15	45
55	B27132	Kế toán và khai báo thuế	3	15	60		75
56	B27150	Thực tập ngành nghề	4		180		180
* Kiến thức tự chọn 1			3				
57	B28005	Kế toán ngân hàng	3	30		15	45
58	B27086	Kế toán xây dựng	3	30		15	45
* Kiến thức tự chọn 2			2				
59	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	15		15	30
60	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	15		15	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
2.3. Khóa luận tốt nghiệp			10				
61	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10		450		450
Hoặc các học phần thay thế							
62	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	30		15	45
63	B28004	Kế toán quốc tế	2	25		5	30
64	B28036	Kiểm soát nội bộ	2	20		10	30
65	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	30	30		60

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. /.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thành